

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN X  
TỈNH Y**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HS-ST

Ngày: 12/6/2020.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH Y**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Trà Giang và ông Nguyễn Đình Lê.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quang Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Y.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Y tham gia phiên tòa:** Ông Khuất Thế Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 12/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X - tỉnh Y, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 07/2020/HSST ngày 24 tháng 03 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-HS ngày 06/5/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/HSST-QĐ ngày 18/5/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/HSST-QĐ ngày 28/5/2020 đối với bị cáo:

**A P** (*Tên gọi khác A L*), sinh ngày: 06/11/1996, tại Y; Nơi cư trú: Thôn Đăk KĐem, xã Đăk Ngok, huyện X, tỉnh Y; Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: Làm Nông; Con ông A B, sinh năm 1976 và bà Y T, sinh năm 1975; Dân tộc: Sơ Drá; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Bị cáo chưa có vợ

Tiền sự: 01 (*một*) tiền sự. Ngày 30/01/2019, A P thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đã bị Công an huyện X ra quyết định xử phạt hành chính.

Tiền án: 01 (*một*) tiền án. Ngày 13/6/2015, bị Tòa án nhân dân huyện X xử phạt 30 (*ba mươi*) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Ngày 26/9/2017, A P chấp hành xong hình phạt tù và trở về địa phương sinh sống.

Bị cáo A P bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X bắt tạm giam vào ngày 30/10/2019. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện X. Có mặt

**- Người bị hại:** Anh A N; sinh năm 1998; nơi cư trú: thôn Kon Klóc, xã Đăk Mar, huyện X, tỉnh Y. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh A J; sinh năm 1997; Nơi cư trú: thôn 8, xã Đăk La, huyện X, tỉnh Y. Có mặt.

2. Chị Y N; sinh năm 2000; nơi cư trú: thôn Đăk KĐem, xã Đăk Ngok, huyện X, tỉnh Y. Có mặt.

3. Ông A P; sinh năm 1974; nơi cư trú: thôn Kon Klóc, xã Đăk Mar, huyện X, tỉnh Y. Có mặt.

4. Bà Y Y; sinh năm 1976; nơi cư trú: thôn Kon Klóc, xã Đăk Mar, huyện X, tỉnh Y. Có mặt.

**- Người làm chứng:**

1. Anh A T; sinh năm 1999; nơi cư trú: thôn Kon Klóc, xã Đăk Mar, huyện X, tỉnh Y. Vắng mặt.

2. Ông A G; sinh năm 1985; nơi cư trú: thôn Kon Klóc, xã Đăk Mar, huyện X, tỉnh Y. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 27/4/2019, sau khi cùng uống rượu tại nhà A P (tên gọi khác: A L; sinh năm: 1996; trú tại: Thôn Đăk KĐem, xã Đăk Ngok, huyện X, tỉnh Y), A P rủ A J (tên gọi khác: A H; sinh năm: 1997; trú tại: Thôn 8, xã Đăk La, huyện X, tỉnh Y) sang thôn Kon Klóc, xã Đăk Mar, huyện X, tỉnh Y chơi thì A J đồng ý. Sau đó, A P lấy một con dao dài 21cm, cán bằng nhựa màu vàng, lưỡi dao bằng kim loại, mũi dao nhọn ở trong bếp gài lên xe mô tô biển số 82B1-39503 của Y N (sinh năm: 2000; là em gái A P) rồi chở A J đi. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, khi đi đến đoạn đường trên bờ đập nước thuộc thôn Kon Klóc, xã Đăk Mar, A P thấy A N (sinh năm: 1998; trú tại: Thôn Kon Klóc, xã Đăk Mar, huyện X, tỉnh Y) đang điều khiển xe mô tô biển số 82H1-08165 chở theo A T (sinh năm: 1999; trú tại: Thôn Kon Klóc, xã Đăk Mar, huyện X, tỉnh Y) đi phía trước, cùng chiều. A P điều khiển xe chạy song song với xe A N và hỏi "bạn mày người làng nào?", A N, A T không trả lời nên A P điều khiển xe chạy lên chặn xe A N. A P dựng xe rồi cùng A J đi lại phía A N, A T đang đứng. A P hỏi lại "bạn mày người làng nào?", A N trả lời "người làng này"; A P hỏi tiếp "bạn mày muốn gì?", A N trả lời "không muốn gì"; A P tiếp tục hỏi "bạn mày không cho bọn tao ở đây chơi hả?", A N trả lời "có cho chơi". A N vừa trả lời xong thì A P dùng chân phải đá vào phía lưng A N một cái; lúc này, A J đứng gần đó dùng tay tát A N một cái vào vùng đầu; A P tiếp tục dùng tay, chân đâm đá khoảng 3-4 cái vào vùng đầu, vùng lưng A N rồi A P quay lại xe mô tô của mình lấy một con dao A P đã gài sẵn trên xe, quay lại dùng tay trái túm vào cổ áo A N ở phía sau kéo lại, tay phải cầm dao đâm hai nhát liên tiếp trúng vùng lưng trên phần bả vai của A N. A N vùng bỏ chạy, A P vẫn túm lấy cổ áo A N nên A N duỗi hai tay về phía sau để chiếc áo cởi ra rồi cùng A T chạy về phía thôn Kon Klóc. A P đuổi theo một đoạn khoảng 05m rồi dừng lại; thấy A P đuổi theo A N, A

J cũng đuổi theo phía sau A P và nói A P đi về vì sợ A N gọi người trong thôn Kon Klóc ra đánh. A P quay lại lấy xe mô tô, còn A J cầm lấy chiếc áo của A N bỏ lại; sau đó, A P chở A J về lại nhà A P. Trên đường đi về, A J đã vứt chiếc áo của A N vào lô cà phê của anh Nguyễn Mạnh Hùng (*sinh năm: 1984; trú tại: Thôn 1, xã Đăk Mar, huyện X, tỉnh Y*). Khi đi trên đường về lại nhà A P, A P nói cho A J biết việc A P đã dùng dao đâm A N; A J nói "sao lại đâm, đâm là được rồi", A P trả lời "thôi lờ rồi". Về đến nhà, A P cất giấu con dao dùng để đâm A N ở đồng cùi phía trước chuồng gà rồi chở A J về lại nhà A J.

A N và A T chạy đến nhà anh A G (*sinh năm: 1985*) trú cùng thôn thì được anh A G mở cửa cho vào nhà; tại đây, A G cùng A T sơ cứu, cầm máu cho A N và gọi điện cho báo ông A P (*sinh năm: 1974, là bố A N*) biết. Một lúc sau, ông A P đưa A N đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện X; sau đó, chuyển đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Y điều trị.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 80/TgT-TTPY ngày 27/5/2019 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh Y, kết luận:

- Dấu hiệu chính qua giám định:
- + Sẹo vai bên phải + sẹo đường nách giữa bên phải: 05%.
- + Tổn thương nhu mô phổi đơn thuần có phẫu thuật không để lại di chứng: 08%.

- Căn cứ Bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 12,60% làm tròn 13% (*viết bằng chữ: Mười ba phần trăm*).

- Vật gây thương tích: Vật sắc nhọn.

Vật chứng vụ án:

- Một xe mô tô biển số 82B1-39503, nhãn hiệu BOSSCITY, màu đỏ đen (*tình trạng xe bị hư, không thể di chuyển*).

- Một giấy chứng nhận mô tô, xe máy số 016080, mang tên Y N.

Ngày 15/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra quyết định xử lý đồ vật, tài liệu trả lại chiếc xe mô tô và giấy chứng nhận mô tô, xe máy số 016080 cho chị Y N tiếp tục quản lý, sử dụng.

- Con dao bị cáo A P dùng để đâm bị hại là một con dao dài 21cm; có cán nhựa màu vàng dài 10cm, trên cán nhựa có chữ KTWI; phần lưỡi bằng kim loại dài 11cm, có mũi nhọn, trên phần lưỡi dao có chữ KTWI-BRAND STAINLESS STEEL, phần rộng nhất của con dao là 02cm (*đã qua sử dụng*) hiện đang được quản lý tại kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự huyện X.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo A P chưa bồi thường gì cho bị hại A N, A J đã bồi thường cho A N số tiền 3.000.000 đồng. A N và gia đình yêu cầu A P bồi

thường số tiền là 13.000.000 đồng (*Mười ba triệu đồng*), bao gồm: Chi phí cho việc điều trị thương tích của A N, chi phí đi lại, chi phí ăn, uống, phần thu nhập thực tế bị mất của ông A P, bà Yôm và tiền bồi thường tổn thất về tinh thần cho A N. Trong giai đoạn truy tố, A N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 16.000.000 đồng (*Mười sáu triệu đồng*); Tuy nhiên trong đơn xin xét xử vắng mặt A N chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 13.000.000 đồng (*Mười ba triệu đồng*).

Bản cáo trạng số: 08/CT-VKSĐH của Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Y đã truy tố bị cáo A P về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (*Gọi tắt là bộ luật hình sự*) với tình tiết “dùng hung khí nguy hiểm” và “có tính chất côn đồ” quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo A P như Cáo trạng. Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 với các tình tiết quy định tại điểm a, điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự Xử phạt bị cáo từ 36 đến 42 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/10/2019. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo A P phải bồi thường số tiền 13.000.000 đồng (*Mười ba triệu đồng*) cho A N và gia đình A N như bị cáo đã đồng ý bồi thường và xử lý vật chứng của vụ án.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, bị cáo không có khiếu nại gì về hành vi của người tiến hành tố tụng, quyết định tố tụng, kết luận giám định pháp y về thương tích số 80/TgT-TTPY ngày 27/5/2019 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh Y, không có ý kiến tranh luận với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Lời khai của những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đúng với những gì đã khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện X, tại Viện kiểm sát nhân dân huyện X.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, bị cáo hối hận về hành vi của mình và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện X, Kiểm sát viên trong quá trình điều

tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Người làm chứng anh A T và ông A G được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên đã có đầy đủ lời khai của họ trong hồ sơ.

Người bị hại anh A N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, đã có đầy đủ lời khai của bị hại trong hồ sơ vụ án.

Nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người làm chứng và người bị hại theo khoản 1 điều 292 và khoản 1 điều 293 bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi các bị cáo bị truy tố: Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại; người làm chứng; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án như kết luận giám định pháp y về thương tích số 80/TgT-TTPY ngày 27/5/2019 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh Y (BL 17, 18); biên bản khám nghiệm hiện trường (BL 45, 46) và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Khoảng 23 giờ ngày 27/4/2019, tại đoạn đường trên bờ đập nước thuộc thôn Kon Klóc, xã Đăk Mar, huyện X; A P đã dùng 01 con dao đâm 02 (hai) nhát liên tiếp trúng vùng lưng trên phần bả vai của A N. Hậu quả gây ra tỉ lệ phần trăm thương tích cho A N là 13% (*Mười ba phần trăm*). Nhận thấy bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện X truy tố về hành vi của bị cáo A P đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 134 Bộ luật Hình sự với tình tiết "dung hung khí nguy hiểm" và "có tính chất côn đồ" là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật thuộc trường hợp nghiêm trọng cần xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

Mặc dù giữa bị cáo và người bị hại anh A N không có mâu thuẫn gì nhưng bị cáo đã dùng hung khí là dao để gây thương tích cho anh A N. Hành vi đó của bị cáo đã phạm vào tội "*Cố ý gây thương tích*" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự với tình tiết "dung hung khí nguy hiểm" và "có tính chất côn đồ" quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Do đó, cáo trạng số 08/CT-VKSDH ngày 23/03/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện X truy tố bị cáo về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự với các tình tiết quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cố ý xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, sức khỏe của người khác, gây mất trật tự trị an trên địa bàn huyện X.

Bị cáo A P đã có tiền án về tội cố ý gây thương tích, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội. Do đó lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm chứng tỏ rằng thời gian cải tạo trước đây chưa đủ sức giáo dục, bị cáo coi thường pháp luật, không biết ăn năn hối cải để hoàn lương

Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm minh tương xứng với hành vi của bị cáo trong vụ án nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành những công dân tốt, sống biết tôn trọng pháp luật, tôn trọng sức khỏe của người khác.

[5] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

+ Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 (*Một*) tiền án về tội Cố ý gây thương tích, chưa được xóa án tích; do đó, bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "tái phạm", quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; ngoài ra, bị cáo A P có 01 (*Một*) tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản, cho nên bị cáo được xác định là người có nhân thân xấu.

+ Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên xét thấy cần được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Sau khi cân nhắc tính chất và mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về các vấn đề liên quan:

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh A J: Quá trình điều tra xác định trước và trong khi thực hiện hành vi gây thương tích cho A N thì A P, A J không có bàn bạc gì; A J không biết A P mang theo dao từ trước. Khi A P dùng dao đâm A N, A J cũng không nhìn thấy, không biết. Khi được A P nói cho biết việc A P đã dùng dao đâm A N thì A J nói "Sao lại đâm, đâm là được rồi", điều này cho thấy A J không có ý muốn cùng dùng dao đâm gây thương tích cho A N. Mặt khác, thương tích của A N hoàn toàn là do hành vi của A P gây nên. Do đó không có tính chất đồng phạm trong trường hợp này

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X đã căn cứ điểm e khoản 3 Điều 5 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng chống bạo lực gia đình, quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác đối với A J, bằng hình thức phạt tiền, mức phạt tiền là 2.500.000đồng (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng*) là đúng pháp luật, vì vậy không đề cập giải quyết trong bản án.

[7] Về vật chứng:

- Một xe mô tô biển số 82B1-39503, nhãn hiệu BOSSCITY, màu đỏ đen và một giấy chứng nhận mô tô, xe máy số 016080, mang tên Y N. Ngày 15/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra quyết định xử lý đồ vật, tài liệu trả lại chiếc xe mô tô và giấy chứng nhận mô tô, xe máy số 016080 cho chị Y N. Xét thấy khi A P sử dụng chiếc xe mô tô này chở A J đi chơi và gây thương tích cho A N thì chị Y N hoàn toàn không biết vì vậy việc trả chiếc xe mô tô và giấy chứng nhận mô tô cho chị Y N là đúng theo quy định của pháp luật.

- 01 (Một) Con dao bị cáo A P dùng để đâm bị hại là một con dao dài 21cm; có cán nhựa màu vàng dài 10cm, trên cán nhựa có chữ KTWI; phần lưỡi bằng kim loại dài 11cm, có mũi nhọn, trên phần lưỡi dao có chữ KTWI-BRAND STAINLESS STEEL, phần rộng nhất của con dao là 02cm (*đã qua sử dụng*) hiện đang được quản lý tại kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự huyện X. Xét thấy không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo và gia đình bị cáo chưa bồi thường về dân sự cho A N và gia đình. Tại phiên tòa, trong đơn xin xét xử vắng mặt, A N và gia đình A N yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền là 13.000.000 đồng (*mười ba triệu đồng*), bao gồm: Chi phí cho việc điều trị thương tích của A N, chi phí đi lại, chi phí ăn, uống, phần thu nhập thực tế bị mất của ông A P, bà Yôm và tiền bồi thường tổn thất về tinh thần cho A N. Bị cáo A P đồng ý bồi thường số tiền 13.000.000 đồng (*mười ba triệu đồng*) cho A N và gia đình. Xét thấy là phù hợp và có căn cứ.

Đối với số tiền 3.000.000 đồng mà A J bồi thường cho người bị hại A N, số tiền trên là sự tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[11] Xét ý kiến luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tại phiên tòa về phần tội danh, điều khoản truy tố, hình phạt, xử lý vật chứng và các vấn đề khác là có căn cứ và phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Về tội danh và hình phạt:**

Tuyên bố bị cáo **A P** (*Tên gọi khác: A L*) phạm tội "*Cố ý gây thương tích*"

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự với tình tiết "dùng hung khí nguy hiểm" và "có tính chất côn đồ" quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ

luật Hình sự; Căn cứ điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **A P** (tên gọi khác **A L**) **40 (Bốn mươi) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam từ ngày 30 tháng 10 năm 2019.

**2. Về vật chứng của vụ án:** Căn cứ điểm c, khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy một con dao A P dùng gây án không còn giá trị sử dụng. (Đặc điểm vật chứng một con dao dài 21cm; có cán nhựa màu vàng dài 10cm, trên cán nhựa có chữ KTWI; phần lưỡi bằng kim loại dài 11cm, có mũi nhọn, trên phần lưỡi dao có chữ KTWI-BRAND STAINLESS STEEL, phần rộng nhất của con dao là 02cm (đã qua sử dụng))

**3. Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 của bộ luật hình sự; Điều 357, 468, 584, 585, 586, 590 bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo A P phải bồi thường cho người bị hại A N và gia đình A N là ông A P, bà Y Y số tiền 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của bộ luật dân sự 2015.

Kể từ thời điểm mà A N và gia đình A N là ông A P, bà Y Y có đơn yêu cầu thi hành án mà A P không thi hành đủ khoản tiền nêu trên thì A P còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

**4. Về án phí sơ thẩm:** Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1, khoản 3 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội. Buộc bị cáo A P phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và 650.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

**5. Về quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (12/6/2020) bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.



*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 3 luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện X;
- TAND tỉnh Y;
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- CA huyện;
- Chi cục THA huyện;
- THA Hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**